

Số: 513 /TB-GDDT

Quận 1, ngày 19 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết quả phân thi kiến thức - Ngày hội học sinh
trung học cơ sở
với sáng tạo khoa học năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 168/KH-GDDT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 về tổ chức Ngày hội học sinh trung học cơ sở với sáng tạo khoa học năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả chấm thi của Ban giám khảo Ngày hội học sinh trung học cơ sở với sáng tạo khoa học năm học 2024-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả như sau:

1. Môn Tiếng Anh

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Nguyễn Lưu Gia	An	27/11/2011	8/2	THCS Nguyễn Du	57
2	Trần Hải	An	12/12/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	51
3	Trần Đức	Anh	08/06/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	56
4	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	03/05/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	68
5	Hồ Tấn	Anh	18/06/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	58
6	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/02/2011	8/6	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	58
7	Nguyễn Hồng	Anh	04/02/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	52
8	Lê Hà Trúc	Bảo	17/06/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	59
9	Nguyễn Đức Gia	Bảo	18/10/2011	8/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	61
10	Trần Hải	Bình	09/06/2011	8A3	THCS Chu Văn An	60
11	Nguyễn Hồng Khải	Ca	12/03/2011	8/2	THCS Nguyễn Du	66
12	Trần Mai Bảo	Châu	04/07/2011	8A2	THCS Trần Văn Ơn	61
13	Mai Thị Phương	Chi	24/09/2011	8A4	THCS Chu Văn An	55
14	Nguyễn Thái	Duy	14/06/2011	8/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	58
15	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	23/10/2011	8A2	THCS Trần Văn Ơn	52

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
16	Nguyễn Hải Ngân	Hà	17/06/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	69
17	Lê	Hà	18/07/2011	8/1	THCS Võ Trường Toản	54
18	Vũ Diệp	Hà	11/01/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	47
19	Phạm Ngọc	Hải	05/09/2011	8/1	THCS Văn Lang	24
20	Lê Sơn	Hải	15/04/2011	8/3	THCS Võ Trường Toản	45
21	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	14/3/2011	8/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	37
22	Nguyễn Ngọc	Hân	04/09/2011	8/2	THCS Minh Đức	68
23	Trương Gia	Hân	11/06/2011	8/3	THCS Minh Đức	42
24	Phạm Gia	Hân	02/07/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	41
25	Vũ Quỳnh	Hân	31/05/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	64
26	Nguyễn Trung	Hiếu	01/01/2011	8A6	THCS Đức Trí	35
27	Trương Vũ Việt	Hùng	27/10/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	62
28	Phạm Bách	Huy	16/07/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	63
29	Nguyễn Minh	Khang	19/12/2011	8A4	THCS Trần Văn Ôn	64
30	Tạ Hoàng	Khang	15/10/2011	8/3	THCS Minh Đức	53
31	Nguyễn Phúc Gia	Khang	12/11/2011	8B2	TH, THCS & THPT Vinschool	56
32	Lê Gia	Khánh	17/11/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	48
33	Nguyễn Trần Tuấn	Khôi	12/11/2011	8A3	THCS Chu Văn An	37
34	Nguyễn Quốc	Khôi	06/12/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	68
35	Lê Nguyên	Khôi	26/01/2011	8A5	THCS Đức Trí	54
36	Lê Nhã	Khuê	08/02/2011	8/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	57
37	Trần Nguyễn Mai	Lâm	01/07/2011	8A4	THCS Trần Văn Ôn	34
38	Trần Phương	Linh	15/12/2011	8A1	THCS Trần Văn Ôn	67
39	Lý Khánh	Linh	26/04/2011	8A6	THCS Đức Trí	30
40	Lê Ngọc	Linh	27/01/2011	8/4	THCS Huỳnh Khương Ninh	53

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
41	Dương Phương	Loan	05/06/2011	8A3	THCS Chu Văn An	50
42	Cao Đạt	Long	01/06/2011	8A7	THCS Đức Trí	32
43	Phạm Lê Thanh	Mai	11/10/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	63
44	Bùi Hạ	Mi	01/01/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	65
45	Bùi Trúc	Minh	05/02/2011	8/3	THCS Minh Đức	70
46	Nguyễn Đặng	Minh	12/08/2011	8/3	THCS Minh Đức	62
47	Lê Đình Thiên	Minh	10/10/2011	8/4	THCS Huỳnh Khương Ninh	71
48	Châu Đức	Minh	26/08/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	56
49	Trần Phan Hồng	My	06/07/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	44
50	Triệu Khánh	Nam	23/01/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	55
51	Vũ Bảo	Nghi	26/11/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	51
52	Trịnh Như	Ngọc	23/04/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	59
53	Phạm Bảo	Ngọc	09/04/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	60
54	Đinh Bảo	Ngọc	22/08/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	37
55	Nguyễn Quỳnh An	Nguyên	13/03/2011	8A2	THCS Trần Văn Ôn	58
56	Lê Khắc Đăng	Nguyên	05/09/2011	8/3	THCS Võ Trường Toản	48
57	Nguyễn Huỳnh Thế	Nguyên	10/06/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	52
58	Nguyễn Khánh	Nhã	17/10/2011	8/4	THCS Huỳnh Khương Ninh	40
59	Trần Nguyễn Lan	Nhi	23/07/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	48
60	Phan Trần An	Nhiên	19/05/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	55
61	Châu Vĩnh	Phú	05/02/2011	8/3	THCS Minh Đức	48
62	Trần Thiên	Phú	22/03/2011	8/1	THCS Văn Lang	25
63	Hà Hân	Phúc	11/09/2011	8/3	THCS Minh Đức	43
64	Nguyễn Xuân	Phúc	31/03/2011	8A6	THCS Đức Trí	49
65	Nguyễn Xuân	Phúc	05/03/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	53
66	Vũ Thị Hà	Phương	01/01/2011	8A5	THCS Trần Văn Ôn	52

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
67	Văn Công Minh	Quân	11/01/2011	8/3	THCS Minh Đức	55
68	Nguyễn Âu Vinh	Tân	10/01/2011	8A7	THCS Đức Trí	42
69	Bùi Nhạc Bảo	Tiên	17/07/2011	8P	THCS Trần Văn Ơn	65
70	Nguyễn Phương	Thanh	26/10/2011	8/4	THCS Văn Lang	40
71	Nguyễn Long	Thịnh	14/04/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	65
72	Bùi Minh	Thy	04/03/2011	8/3	THCS Minh Đức	43
73	Phí Hoàng Trang	Thy	21/05/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	58
74	Phạm Anh	Thy	09/12/2011	8B2	TH, THCS & THPT Vinschool	58
75	Hoàng Hồ Bảo	Trâm	01/06/2011	8A6	THCS Đức Trí	26
76	Phạm Hoàng Khánh	Vân	15/01/2011	8A6	THCS Đức Trí	44
77	Vũ Ngọc Tường	Vi	18/4/2011	8/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	76
78	Lý Quốc	Vinh	28/05/2011	8A3	THCS Chu Văn An	v
79	Đỗ Kiều	Vy	07/06/2011	8A3	THCS Chu Văn An	65
80	Nguyễn Đan	Vy	03/11/2011	8A4	THCS Chu Văn An	67
81	Lê Huỳnh Bảo	Vy	12/02/2011	8/1	THCS Minh Đức	55
82	Nguyễn Bảo Nhã	Vy	17/08/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	48

2. Môn Ngữ Văn

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Ngô Nguyễn Xuân	An	24/08/2011	8/1	THCS Văn Lang	8
2	Nguyễn Trần Khánh	An	17/10/2011	8/1	THCS Văn Lang	10
3	Nguyễn Thị Kim	Anh	25/08/2011	8A2	THCS Chu Văn An	12
4	Nguyễn Võ Kỳ	Anh	28/11/2011	8A1	THCS Trần Văn Ơn	12,5
5	Chu Nhật Nam	Anh	05/07/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	10,5
6	Ngô Nguyễn Phương	Anh	05/11/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11,5
7	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh	07/08/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	10
8	Nguyễn Diệp	Anh	11/03/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	11,5

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
9	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/05/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	11
10	Mai Quỳnh	Chi	15/01/2011	8A2	THCS Trần Văn Ôn	10
11	Phạm Phương	Chi	22/07/2011	8A5	THCS Trần Văn Ôn	11
12	Nguyễn Khánh	Chi	11/04/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	10
13	Đỗ Quỳnh	Chi	23/09/2011	8A3	TH, THCS & THPT Vinschool	10,5
14	Hoàng Ngọc	Diệp	17/11/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	12,5
15	Huỳnh Phương	Dung	06/09/2011	8/1	THCS Văn Lang	11,5
16	Nguyễn Trát Ánh	Dương	18/05/2011	8/3	THCS Minh Đức	10,5
17	Nguyễn Linh	Đan	14/05/2011	8A10	THCS Trần Văn Ôn	10
18	Nguyễn Ngọc Tâm	Đoan	21/10/2011	8A1	TH, THCS & THPT Vinschool	11
19	Lê Nguyễn Hương	Giang	21/12/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	11
20	Nguyễn Bảo	Hà	01/06/2011	8A2	THCS Chu Văn An	11,5
21	Hồ Thanh	Hiền	18/10/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11,5
22	Nguyễn Hải Gia	Hòa	23/12/2011	8A7	THCS Đức Trí	11,5
23	Châu Bảo	Khang	05/01/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	12,5
24	Nguyễn Gia	Khang	31/10/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10,5
25	Nguyễn Kim	Khánh	12/08/2011	8A1	THCS Đức Trí	11,5
26	Lâm Hoàng	Khôi	07/11/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	11
27	Trần Phương	Lan	15/01/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	11,5
28	Vũ Duy	Lâm	05/05/2011	8A1	THCS Trần Văn Ôn	11
29	Hồng Quốc	Lâm	18/10/2011	8/6	THCS Minh Đức	12
30	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	21/12/2011	8/2	THCS Minh Đức	12
31	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	20/11/2011	8/4	THCS Minh Đức	10
32	Nguyễn Khánh	Linh	27/08/2011	8/3	THCS Nguyễn Du	15
33	Nguyễn Lê Trúc	Linh	19/09/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	10,5

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
34	Nguyễn Xuân	Mai	02/07/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	12,5
35	Đặng Ban	Mai	15/01/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	6,5
36	Lê Trần Bình	Minh	04/07/2011	8A5	THCS Trần Văn Ỗn	v
37	Nguyễn Ngọc Uyên	Minh	29/12/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	12,5
38	Thái Lương Khánh	My	22/12/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	11
39	Lê Nguyễn Kim	Ngân	20/02/2011	8A4	THCS Đức Trí	11,5
40	Nguyễn Phúc Đông	Nghi	28/11/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	12
41	Nguyễn Hồ Phương	Nghi	11/07/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	6
42	Mạc Lâm Phương	Nghi	10/07/2011	8A6	THCS Đức Trí	11
43	Nhữ Phương Khánh	Ngọc	17/03/2011	8A7	THCS Trần Văn Ỗn	9,5
44	Phạm Bảo	Ngọc	24/04/2011	8/3	THCS Minh Đức	11,5
45	Vũ Yến	Ngọc	04/06/2011	8A2	THCS Đức Trí	14,5
46	Nguyễn Gia Thiên	Ngọc	05/09/2011	8/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	9,5
47	Đinh Bảo	Ngọc	22/08/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	v
48	Nguyễn Thái Thanh	Nguyên	05/10/2011	8/2	THCS Văn Lang	8
49	Nguyễn Tú	Nguyên	24/12/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10,5
50	Nguyễn Xuân	Nhi	16/11/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10,5
51	Nguyễn Vũ Thảo	Nhi	18/09/2011	8A1	TH, THCS & THPT Vinschool	8,5
52	Nguyễn Ngũ An	Nhiên	01/02/2011	8P	THCS Trần Văn Ỗn	12
53	Lê Bình	Như	06/09/2011	8A4	THCS Chu Văn An	14
54	Võ Ngọc Bình	Phương	31/08/2011	8A3	THCS Chu Văn An	13
55	Tạ Bảo	Phương	28/11/2011	8A9	THCS Trần Văn Ỗn	9
56	Lưu Khánh	Phương	20/05/2011	8/1	THCS Minh Đức	9,5
57	Cao Phạm Xuân	Phương	27/06/2011	8/6	THCS Võ Trường Toản	11,5
58	Võ Thanh	Phương	18/12/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	11,5
59	Trương Ngọc	Quý	17/08/2010	8A3	THCS Đức Trí	10,5

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
60	Võ Ngọc	Quyên	08/11/2011	8/1	THCS Võ Trường Toản	10
61	Đinh Đoàn Diễm	Quỳnh	13/03/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	10,5
62	Hoàng Ngọc Mai	Thanh	26/03/2011	8A3	THCS Trần Văn Ỗn	11,5
63	Phạm Minh	Thanh	03/09/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	12
64	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	10,5
65	Phan Minh	Thi	25/12/2011	8A7	THCS Đức Trí	11,5
66	Nguyễn Minh Anh	Thơ	09/06/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	11,5
67	Đỗ Thanh	Thủy	27/10/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	12
68	Cảnh Phạm Minh	Thư	25/04/2011	8/3	THCS Minh Đức	10
69	Phan Quỳnh	Thư	06/02/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	15
70	Lê Thanh	Trà	21/04/2011	8/1	THCS Minh Đức	10
71	Giang Bảo	Trân	13/07/2011	8A1	THCS Đức Trí	12,5
72	Ngô Phương	Trúc	08/09/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	10,5
73	Nguyễn Phùng Nhã	Uyên	16/06/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	12
74	Ngô Thanh	Vân	06/07/2011	8A6	THCS Đức Trí	10,5
75	Phạm Mỹ	Vân	25/03/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	9
76	Bùi Thanh	Vi	04/10/2011	8A3	THCS Chu Văn An	13
77	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	18/08/2011	8A1	THCS Chu Văn An	12
78	Nguyễn Hồng	Vy	04/11/2011	8/1	THCS Minh Đức	11,5
79	Phan Ngọc Thanh	Vy	25/03/2011	8/3	THCS Minh Đức	11,5
80	Huỳnh Nguyễn Thảo	Vy	09/06/2011	8A1	THCS Đức Trí	12
81	Hoàng Thúy	Vy	02/01/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10
82	Nguyễn Lê Ngọc	Yến	28/07/2011	8A5	THCS Chu Văn An	11,5

3. Môn Địa Lý

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Lại Dương Thanh	An	29/03/2011	8/4	THCS Văn Lang	12,75

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
2	Đặng Thuý	An	28/07/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	12
3	Đặng Phú	An	23/10/2011	8/8	THCS Võ Trường Toản	15
4	Trần Phạm Minh	An	16/02/2011	8A4	THCS Đức Trí	14,5
5	Trần Võ Minh	Anh	28/11/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	16,5
6	Nguyễn Minh Tuấn	Anh	11/08/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	16,25
7	Dương Công	Dũng	22/04/2011	8A6	THCS Đức Trí	18,5
8	Nguyễn Đông	Hà	28/08/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	15
9	Dương Khánh	Hà	28/07/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	10
10	Huỳnh Gia	Hân	04/11/2011	8A3	THCS Chu Văn An	17
11	Ngô Bội	Hân	26/07/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	15,25
12	Quách Trọng	Hiếu	25/01/2011	8/4	THCS Văn Lang	13,5
13	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hoa	29/03/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	14
14	Huỳnh Gia	Huy	09/06/2011	8A6	THCS Đức Trí	13,25
15	Nguyễn Ngọc Gia	Huyền	02/12/2011	8A3	THCS Chu Văn An	19
16	Đỗ Hùng Nguyên	Khang	14/02/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	16,5
17	Trà Minh	Khang	19/11/2011	8A3	THCS Đức Trí	17,75
18	Trương Hà Nhã	Khanh	02/11/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	12,5
19	Nguyễn Vĩnh	Khuê	18/03/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	14,75
20	Nguyễn Tô Thục	Khuê	01/09/2011	8/3	THCS Minh Đức	15,5
21	Bùi Nguyễn Bảo	Linh	16/01/2011	8A3	THCS Chu Văn An	15,75
22	Trần Ngọc Phương	Linh	26/11/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	15
23	Vũ Thành	Lương	25/06/2011	8/3	THCS Võ Trường Toản	16,75
24	Huỳnh Sĩ	Mẫn	03/10/2011	8/3	THCS Minh Đức	17,5
25	Nguyễn Lê Hải	My	04/12/2011	8A3	THCS Chu Văn An	15,25
26	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	18/01/2011	8/8	THCS Võ Trường Toản	13,25
27	Nguyễn Lê Phương	Nghi	08/12/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	11,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
28	Văn Thanh	Nghi	15/11/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	10,75
29	Đinh Lê Bảo	Nguyên	01/08/2011	8/1	THCS Minh Đức	18,5
30	Nguyễn Đông	Nhi	19/07/2011	8A5	THCS Chu Văn An	14,5
31	Vũ Ngọc An	Nhi	08/05/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	15
32	Nguyễn Nguyễn Hà	Phương	14/03/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	11,5
33	Nguyễn Nhật Lam	Tuyền	17/05/2011	8/3	THCS Minh Đức	15,5
34	Lê Đoàn Cát	Tường	14/09/2011	8/1	THCS Minh Đức	15,25
35	Trần Ngọc Kim	Thư	27/07/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	17
36	Võ Cao Minh	Thư	21/04/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	11,5
37	Nguyễn Dương Anh	Thư	26/02/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	13
38	Ngụy Thị Minh	Thư	22/04/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	12,5
39	Cao Nhật Như	Uyên	28/07/2011	8/1	THCS Minh Đức	14,75
40	Nguyễn Khánh	Vy	08/03/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	11,75
41	Lê Thị Hải	Yến	01/07/2011	8A3	THCS Chu Văn An	16,25

4. Môn Lịch Sử

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Trần Mai	Anh	22/02/2011	8A2	THCS Chu Văn An	5,5
2	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	30/08/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	10,25
3	Võ Nguyễn Minh	Anh	13/02/2011	8A7	THCS Đức Trí	5,25
4	Nguyễn Diệp	Anh	11/03/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	v
5	Lương Hồng	Ân	12/12/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	6,5
6	Đặng Duy	Ân	23/08/2011	8A5	THCS Đồng Khởi	8
7	Đỗ Gia	Bảo	01/01/2011	8A7	THCS Chu Văn An	8,5
8	Nguyễn Trương Gia	Bảo	31/05/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	12,5
9	Tô Bảo	Châu	29/04/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	10,5
10	Nguyễn Mai	Chi	19/03/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	13,5
11	Đỗ Hà Yên	Chi	12/10/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	10,75
12	Cao Dương Thùy	Dương	23/05/2011	8/4	THCS Văn Lang	11,25
13	Huỳnh Phạm Linh	Đan	22/02/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	12,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
14	Trần Nguyễn Minh	Đức	28/01/2011	8A2	THCS Chu Văn An	9,5
15	Nguyễn	Đức	06/06/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	11,75
16	Nguyễn Hương	Giang	22/12/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	8,5
17	Nguyễn Trần Lam	Giang	06/03/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	9,5
18	Lưu Trương Gia	Hân	28/02/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	13,25
19	Nguyễn Khánh	Hoàng	12/05/2011	8A2	THCS Trần Văn Ôn	16
20	Thái Phú	Hưng	06/04/2011	8A8	THCS Trần Văn Ôn	14,5
21	Nguyễn Trương Mỹ	Kim	24/10/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	9,5
22	Lê Phúc Gia	Khang	03/02/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	14,75
23	Nguyễn Bảo	Khang	22/04/2011	8/3	THCS Minh Đức	14,25
24	Phạm Gia	Khang	15/05/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	12,5
25	Nguyễn Huy	Khang	31/07/2011	8A5	THCS Đức Trí	10
26	Lâm Gia	Khánh	03/11/2011	8A7	THCS Trần Văn Ôn	12,5
27	Lê Nguyễn Huy	Khánh	22/10/2011	8A5	THCS Đức Trí	9,25
28	Nguyễn Châu Bảo	Khoa	20/09/2010	8A6	THCS Đồng Khởi	12,25
29	Trần Minh	Khôi	20/06/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	14
30	Nguyễn Võ Nhất	Lâm	28/01/2011	8/2	THCS Minh Đức	11,25
31	Cao Phương	Linh	27/01/2011	8A2	THCS Chu Văn An	6,25
32	Phạm Phương	Linh	30/11/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	5,75
33	Lê Thị Yến	Linh	10/02/2011	8A5	THCS Đồng Khởi	8,5
34	Nguyễn Khánh	Linh	29/10/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	16
35	Trần Doãn Nhật	Linh	01/01/2011	8B1	TH, THCS & THPT Vinschool	10,5
36	Nguyễn Quốc	Long	06/04/2011	8A1	THCS Chu Văn An	12
37	Nguyễn Hoàng	Long	19/07/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10,5
38	Nguyễn Thanh	Mai	30/07/2011	8A5	THCS Đức Trí	10,75
39	Nguyễn Nhật	Minh	26/08/2011	8/1	THCS Minh Đức	3,75
40	Nguyễn Ngọc Tuệ	Minh	24/08/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11,5
41	Võ Nhật	Minh	16/02/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	14,5

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
42	Hồ Văn	Nam	29/03/2011	8A7	THCS Trần Văn Ốn	12,25
43	Ngô Phương	Nghi	05/06/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	14,75
44	Hồ Trọng	Nghĩa	11/11/2011	8A1	TH, THCS & THPT Vinschool	5,25
45	Nguyễn Hương	Nguyên	22/12/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	9,25
46	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	05/10/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	7
47	Vũ Ngọc Yến	Nhi	12/05/2011	8A7	THCS Đức Trí	11,25
48	Vũ Huệ	Nhi	18/03/2010	8A6	THCS Đồng Khởi	12,75
49	Trần Hoàng Khánh	Như	29/01/2011	8A7	THCS Đức Trí	v
50	Nguyễn Tấn	Phát	05/07/2011	8A9	THCS Trần Văn Ốn	16
51	Đỗ	Phúc	24/12/2011	8A2	TH, THCS & THPT Vinschool	11
52	Hồ Khánh	Phương	15/11/2011	8A2	THCS Chu Văn An	6,25
53	Ngô Minh	Phương	18/11/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	9,5
54	Nguyễn Minh	Quân	23/04/2011	8A6	THCS Trần Văn Ốn	11
55	Trần Phương	Tâm	13/12/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	6,25
56	Nguyễn Thanh Hoàng	Tân	18/07/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	10,5
57	Nguyễn Tuấn	Tú	10/10/2011	8A2	THCS Chu Văn An	9,75
58	Tôn Văn	Thanh	12/05/2011	8A2	THCS Chu Văn An	8,25
59	Phạm Song	Thư	18/05/2011	8A5	THCS Đức Trí	7
60	Nguyễn Khánh	Vân	01/08/2011	8/1	THCS Minh Đức	10,5
61	Nguyễn Thái	Vy	06/09/2011	8A2	THCS Chu Văn An	6,25
62	Nguyễn Phương	Vy	11/02/2011	8/1	THCS Minh Đức	5,25

5. Môn Toán

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Võ Hoàng Tuấn	Anh	30/08/2011	8P	THCS Trần Văn Ốn	3,75
2	Biện Nhật	Anh	10/03/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	7,5
3	Phạm Quang	Anh	15/10/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	4,5
4	Đỗ Thiên	Ân	01/06/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	8

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
5	Tổng Gia Bảo	Châu	30/09/2010	8/3	THCS Văn Lang	1,25
6	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	16/08/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	8,5
7	Bùi Quang Tuấn	Dũng	06/01/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	5
8	Nguyễn Mai	Hà	10/06/2011	8/1	THCS Văn Lang	2,5
9	Ngô Phương	Hằng	02/08/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	10,5
10	Lý Ngọc	Hân	31/07/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	4,75
11	Đào Trọng Huy	Hoàng	26/10/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	0,25
12	Đinh Trí Bảo	Huy	29/10/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	3,75
13	Ngô Quang	Hưng	18/12/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	3,75
14	Trịnh Gia	Kiệt	01/08/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	3,5
15	Trần Mạnh	Khải	08/01/2011	8/3	THCS Minh Đức	0,75
16	Hoàng Ngọc Vân	Khánh	12/08/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	8,75
17	Bùi Nguyên	Khoa	10/06/2011	8A2	THCS Trần Văn Ơn	10,75
18	Nguyễn Trí	Khoa	22/08/2011	8/3	THCS Minh Đức	4,75
19	Nguyễn Trọng Anh	Khôi	11/11/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	11
20	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	08/04/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	3,75
21	Nguyễn Duy	Khương	26/02/2011	8/4	THCS Huỳnh Khương Ninh	8
22	Vũ Bảo	Lâm	28/03/2011	8/2	THCS Nguyễn Du	5
23	Nguyễn Thủy	Linh	13/04/2011	8A1	THCS Trần Văn Ơn	4
24	Phạm Trúc	Linh	04/03/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	5,5
25	Nguyễn Ngọc Phúc	Long	18/01/2011	8/3	THCS Minh Đức	7,25
26	Lê Bảo	Long	16/04/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	8,75
27	Trần Quang	Minh	18/11/2011	8/6	THCS Võ Trường Toản	4,75
28	Nguyễn Ngọc Hải	Nghi	12/03/2011	8A1	THCS Trần Văn Ơn	4,5
29	Trần Gia	Nghị	29/05/2011	8A7	THCS Đức Trí	4,5

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
30	Trần Trọng	Nghĩa	04/01/2011	8/6	THCS Minh Đức	2
31	Trần Hồng	Ngọc	31/10/2011	8/5	THCS Minh Đức	1
32	Nguyễn Khánh	Ngọc	11/02/2011	8A7	THCS Đức Trí	2,5
33	Cao Thảo	Nguyên	02/02/2011	8/1	THCS Văn Lang	4
34	Phạm Tường	Nguyên	29/09/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	10
35	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	10/04/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	3,25
36	Phan Phương	Như	30/05/2011	8A5	THCS Đức Trí	1
37	Nguyễn Huỳnh Bảo	Như	30/09/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	11,25
38	Lương Kiến	Phong	01/10/2011	8A3	THCS Chu Văn An	4,25
39	Nguyễn Trung	Phong	24/12/2011	8/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	7,75
40	Bùi Hữu	Phước	11/03/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	6,75
41	Nguyễn Trần Yến	Phương	03/07/2011	8/1	THCS Văn Lang	3
42	Ngô Huỳnh Đông	Quân	12/07/2011	8/3	THCS Minh Đức	10,5
43	Nguyễn Đức	Tài	05/10/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	4,5
44	Phạm Phú Mạnh	Tuân	19/08/2011	8A5	THCS Đức Trí	7
45	Ngô Khải	Tuấn	19/01/2011	8/3	THCS Minh Đức	3
46	Lê	Tuấn	22/06/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	3,75
47	Phạm Bá	Tùng	21/11/2011	8/2	THCS Võ Trường Toản	4
48	Nguyễn Huỳnh	Thạch	21/04/2011	8A5	THCS Trần Văn Ôn	4
49	Đoàn Hiếu	Thiên	07/07/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	0,5
50	Nguyễn Hữu	Thịnh	26/10/2011	8A5	THCS Chu Văn An	6,25
51	Nguyễn Phước	Thịnh	11/02/2011	8A7	THCS Trần Văn Ôn	9
52	Nguyễn Vũ Thanh	Trà	12/11/2011	8/3	THCS Nguyễn Du	6,75
53	Nguyễn Cao	Trí	08/03/2011	8/3	THCS Minh Đức	5
54	Nguyễn Trần Quang	Trí	22/10/2011	8/3	THCS Minh Đức	4,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
55	Nguyễn Vũ Gia	Triết	30/03/2011	8/2	THCS Nguyễn Du	6
56	Trần Minh	Trọng	22/03/2011	8/3	THCS Minh Đức	0,75
57	Ngô Hoàng Thanh	Trúc	29/05/2011	8A5	THCS Đức Trí	0,25
58	Bùi Thanh	Trường	18/01/2011	8A8	THCS Chu Văn An	7
59	Châu Kiến	Văn	20/09/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	10,25
60	Võ Tuệ	Văn	17/09/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11
61	Lê Thanh	Vân	16/02/2011	8A4	THCS Chu Văn An	10
62	Nguyễn Thân Khánh	Vân	07/09/2011	8A4	THCS Chu Văn An	10
63	Đình Quang	Vinh	15/09/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	3

6. Môn Khoa học tự nhiên

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
1	Phan Trường	An	29/07/2011	8/1	THCS Võ Trường Toản	10,75
2	Nguyễn Gia	An	30/05/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	9,5
3	Nguyễn Đình	An	15/04/2011	8A7	THCS Đức Trí	2,25
4	Phạm Hải	An	20/01/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	8,75
5	Vương Ngọc Thế	Anh	14/11/2011	8A3	THCS Chu Văn An	10,25
6	Vũ Đức	Anh	15/11/2011	8/3	THCS Minh Đức	1,25
7	Nguyễn Xuân	Anh	31/01/2011	8A7	THCS Đức Trí	1,75
8	Đào Quốc	Anh	31/10/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	2,75
9	Trần Lê Châu	Anh	14/01/2011	8A11	THCS Trần Văn Ôn	9,75
10	Bùi Nguyễn Vân	Anh	28/03/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	13
11	Nguyễn Bùi Phương	Anh	25/08/2011	8A6	THCS Trần Văn Ôn	10
12	Huỳnh Ngọc Vân	Anh	03/09/2011	8/1	THCS Văn Lang	6,5
13	Lê Tuệ	Anh	29/08/2011	8/3	THCS Võ Trường Toản	2,75
14	Nguyễn Phương	Anh	02/02/2011	8A1	THCS Đức Trí	1,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
15	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	02/07/2011	8A6	THCS Chu Văn An	12,25
16	Nguyễn Vũ Minh	Bảo	30/03/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	11,25
17	Nguyễn Quốc	Bình	15/06/2011	8A5	THCS Trần Văn Ôn	v
18	Phan Thanh	Bình	07/02/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	10
19	Nguyễn Minh	Châu	20/09/2011	8A7	THCS Đức Trí	3
20	Hồ Hoàng Xuân	Di	01/11/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	5,5
21	Nguyễn Ngọc	Diệp	12/03/2011	8A2	THCS Đồng Khởi	8,75
22	Nguyễn Khải	Dương	10/02/2011	8A5	THCS Chu Văn An	11
23	Lê Thùy	Dương	02/10/2011	8A5	THCS Đồng Khởi	10
24	Lê Nhất	Dương	14/05/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	8,75
25	Trần Khánh	Đăng	07/07/2011	8/7	THCS Nguyễn Du	7,5
26	Đặng Trí	Đức	26/02/2011	8/4	THCS Minh Đức	11,5
27	Trần Trí	Đức	09/02/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	10,75
28	Lê Minh	Đức	22/09/2011	8/6	THCS Võ Trường Toản	2,75
29	Nguyễn Nhật	Hà	19/04/2011	8/1	THCS Võ Trường Toản	1,75
30	Phạm Lê Minh	Hà	29/03/2011	8A1	THCS Trần Văn Ôn	14
31	Huỳnh Phúc	Hải	19/11/2011	8P	THCS Trần Văn Ôn	4
32	Nguyễn Trần Đăng	Hải	23/09/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	9
33	Nguyễn Chí	Hào	19/02/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	0,25
34	Nguyễn Trần Gia	Hân	08/02/2011	8A5	THCS Trần Văn Ôn	13,75
35	Nguyễn Ngọc	Hân	13/11/2011	8/3	THCS Minh Đức	8
36	Lê Xuân Gia	Hân	18/06/2011	8/4	THCS Huỳnh Khương Ninh	13,25
37	Chu Gia	Hân	06/07/2011	8/6	THCS Võ Trường Toản	7,25
38	Đỗ Ngân	Hiếu	24/03/2011	8/8	THCS Minh Đức	8
39	Nguyễn Minh	Hoàng	04/07/2011	8A1	THCS Trần Văn Ôn	11,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
40	Nguyễn Gia	Huy	25/05/2011	8/4	THCS Nguyễn Du	9,25
41	Phan Minh	Huy	06/12/2011	8A7	THCS Đức Trí	4,5
42	Nguyễn Ngọc	Hưng	05/03/2011	8/4	THCS Minh Đức	1,75
43	Nguyễn Kỳ Gia	Hưng	01/11/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	11,75
44	Phạm Hải	Hưng	11/11/2011	8/3	THCS Văn Lang	10
45	Phạm Trung	Kiên	26/06/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	5,75
46	Nguyễn Lâm Trí	Khải	30/11/2011	8P	THCS Trần Văn Ơn	13,5
47	Hoàng Dụ	Khải	29/01/2011	8/5	THCS Võ Trường Toàn	9,5
48	Phạm Minh	Khánh	05/08/2011	8A6	THCS Trần Văn Ơn	10,5
49	Đỗ Thị Kim	Khánh	10/01/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	6,25
50	Phạm Huy	Khánh	28/01/2011	8A7	THCS Đức Trí	10,75
51	Ngô Ngọc Ngân	Khánh	04/04/2011	8/3	THCS Minh Đức	6,75
52	Trương Nguyễn Huy	Khánh	03/10/2011	8A5	THCS Đồng Khởi	10
53	Vũ Đăng	Khoa	30/12/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	3,75
54	Võ Nguyễn Đăng	Khoa	13/04/2011	8A3	THCS Chu Văn An	11,25
55	Đinh Hồ Thanh	Khôi	22/02/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	13,25
56	Trần Cát Tuấn	Khôi	24/04/2011	8/6	THCS Huỳnh Khương Ninh	5
57	Phạm Nguyễn Anh	Khôi	06/05/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	10,25
58	Văn Hải	Lâm	29/07/2011	8A2	THCS Đức Trí	v
59	Phạm Mỹ	Linh	06/01/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	7,25
60	Trương Ngọc Khánh	Linh	02/06/2011	8A1	THCS Đức Trí	3,25
61	Nguyễn Hoàng	Long	24/12/2011	8/3	THCS Nguyễn Du	6,25
62	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	05/06/2011	8/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	8,5
63	Trương Thị Phương	Mai	04/07/2011	8/1	THCS Minh Đức	6,25
64	Trần Nguyễn Khoa	Minh	05/05/2011	8A3	THCS Chu Văn An	4,25
65	Ngô Quang	Minh	14/02/2011	8A2	THCS Trần Văn	10,25

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị Ơn	Điểm thi
66	Nguyễn Trần Hoàng	Minh	02/03/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	10,75
67	Hoàng Hà Bảo	Minh	03/03/2011	8A6	THCS Đức Trí	4,25
68	Trương Thảo	My	10/06/2011	8A3	THCS Đồng Khởi	5,5
69	Phạm Hoàng Khánh	Nam	27/05/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11,5
70	Võ Lê Gia	Ngọc	30/09/2011	8A5	THCS Trần Văn Ơn	10,75
71	Bùi Bảo	Ngọc	06/09/2011	8A7	THCS Đức Trí	7
72	Lâm Gia	Ngọc	08/07/2011	8A7	THCS Đức Trí	7
73	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	30/09/2011	8A1	THCS Đồng Khởi	6,25
74	Võ Hoàng	Nguyên	12/08/2011	8A6	THCS Trần Văn Ơn	10,5
75	Vũ Đặng Thảo	Nguyên	22/03/2011	8/1	THCS Võ Trường Toản	6,75
76	Vũ Mai	Nguyên	18/01/2011	8A5	THCS Chu Văn An	11
77	Huỳnh Nguyễn Chăm	Nguyên	06/05/2011	8/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	10,25
78	Nguyễn Hoàng Trí	Nhân	08/05/2011	8A5	THCS Chu Văn An	3,75
79	Trần Trung	Nhân	22/03/2011	8/4	THCS Văn Lang	4,75
80	Lê Bảo	Nhi	07/03/2011	8A1	THCS Đức Trí	2,75
81	Võ Quỳnh	Như	07/10/2011	8A6	THCS Đức Trí	8,5
82	Nguyễn Thế	Phát	04/04/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	8,25
83	Nguyễn Hoài	Phong	11/03/2011	8A3	THCS Chu Văn An	4,5
84	Hồ Thiên	Phúc	10/02/2011	8/4	THCS Minh Đức	9
85	Trần Mai	Phương	17/03/2011	8/5	THCS Nguyễn Du	7
86	Vũ Xuân	Quang	21/11/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	8
87	Hoàng Minh	Quân	15/04/2011	8/3	THCS Huỳnh Khương Ninh	5,5
88	Phạm Như	Quỳnh	24/12/2011	8/2	THCS Minh Đức	6,25
89	Trần Minh	Tài	21/06/2011	8A1	THCS Đức Trí	3,75
90	Nguyễn Ngọc Thảo	Tiên	08/03/2011	8A2	THCS Đức Trí	v

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm thi
91	Nguyễn Phương Bảo	Tiên	27/06/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	10
92	Huỳnh Ngọc	Tuyền	29/11/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	8
93	Dương Ngọc Cát	Tường	14/01/2011	8/2	THCS Huỳnh Khương Ninh	14
94	Huỳnh Bảo	Thạch	07/05/2011	8A7	THCS Đức Trí	2,75
95	Nguyễn Quốc	Thăng	31/05/2011	8A7	THCS Đức Trí	1,25
96	Trịnh Vĩnh	Thăng	28/10/2011	8A5	THCS Đức Trí	7,5
97	Hiền Tăng Phúc	Thịnh	27/10/2011	8/5	THCS Huỳnh Khương Ninh	2,5
98	Lê Minh	Thơ	25/08/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	11,5
99	Phan Hồ Khánh	Thư	15/10/2011	8/1	THCS Nguyễn Du	12,75
100	Phạm Ngọc Anh	Thư	10/10/2011	8A3	THCS Chu Văn An	8,5
101	Vũ Nhật	Thy	28/10/2011	8/3	THCS Minh Đức	8
102	Lê Phạm Bảo	Trân	08/06/2011	8A4	THCS Đồng Khởi	2,75
103	Nguyễn Đan Bảo	Trân	03/04/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	10,75
104	Nguyễn Hữu	Trí	26/02/2011	8/7	THCS Võ Trường Toản	8,75
105	Cao Huỳnh Thanh	Trúc	18/06/2011	8/6	THCS Minh Đức	7,75
106	Cao Hoàng Thanh	Trúc	24/10/2011	8A3	THCS Trần Văn Ôn	13,25
107	Phan Ngọc Bảo	Trúc	10/07/2011	8/1	THCS Huỳnh Khương Ninh	10,75
108	Bùi Hoàng Nam	Trung	31/01/2011	8/4	THCS Võ Trường Toản	4,25
109	Nguyễn Thanh	Vân	30/10/2011	8/6	THCS Minh Đức	3,5
110	Phan Ngọc Tường	Vy	25/03/2011	8/3	THCS Minh Đức	5
111	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	11/11/2011	8/5	THCS Võ Trường Toản	12,5
112	Vũ Hoàng	Yến	09/06/2011	8A2	THCS Trần Văn Ôn	3
113	Lăng Huỳnh Bảo	Yến	06/12/2011	8/6	THCS Minh Đức	3,75
114	Lương Hải	Yến	03/06/2011	8/6	THCS Nguyễn Du	11,5

Trên đây là kết quả Ngày hội học sinh trung học cơ sở với sáng tạo khoa học năm học 2024-2025, đề nghị các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông có cấp trung học cơ sở thông báo cho học sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Các trường THCS Q1;
- Các trường THPT có cấp THCS thuộc Q1;
- Lưu: VT, Hải.



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Thanh Giang